

Bản án số: 59/2018/HS-PT  
Ngày 29 - 10 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Chung

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

**- Thư ký phiên toà:** Bà Khổng Thị Đức Hậu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:**  
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2018/TLPT-HS ngày 18/9/2018 đối với bị cáo Đặng Văn H do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2018/HSST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện V.

**- Bị cáo bị kháng nghị:**

Đặng Văn H, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình T (đã chết) và con bà Đàm Thị M, sinh năm 1939; có vợ là Vũ Thị Đ, sinh năm 1967 và 02 con (lớn sinh năm 1987 nhỏ sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**- Nguyên đơn dân sự:** Chi cục thuế huyện V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá T, chức vụ: Chi cục trưởng (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn H hoạt động kinh doanh mua, bán sữa bò tươi từ năm 2010 nhưng đến ngày 19/8/2013 H mới đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số: 19E8 - 004999, đăng ký lần đầu ngày 19/8/2013, sử dụng mã số thuế 8174211765 do Chi cục thuế huyện V cấp ngày 16/8/2012, kê khai và quyết toán thuế tại Chi cục thuế huyện V theo hình thức thuế khoán bằng phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu có sử dụng hóa đơn. Ngành nghề kinh doanh là mua, bán sữa bò tươi, mở một tài khoản số 2806205014742 tại Ngân hàng N - Chi nhánh V, tỉnh Vĩnh Phúc để giao dịch, thanh toán. Quá trình kinh doanh H đã ký hợp đồng bán sữa, người điều hành điểm thu mua sữa, trạm trung chuyển sữa tươi nguyên liệu với Công ty cổ phần sữa I địa chỉ: Km 29 quốc lộ 6, xã D, huyện Y thành phố Hà Nội; Công ty TNHH Frieslandcampina G (Công ty G), địa chỉ: Cụm công nghiệp E, thành phố P, tỉnh Hà Nam và Công ty Công ty cổ phần sữa K địa chỉ: Số 10 đường R, phường U, quận 7 thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

1. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa, vận chuyển và dịch vụ sữa với Công ty cổ phần sữa I.

Công ty Cổ phần sữa I đã thực hiện việc mua sữa bò tươi của Đặng Văn H từ ngày 01/4/2010 nhưng đến ngày 10/12/2010 Công ty Cổ phần sữa I mới ký Hợp đồng kinh tế về việc mua sữa bò tươi với Đặng Văn H. Giữa Công ty Cổ phần sữa I với Đặng Văn H đã ký kết 03 hợp đồng mua bán sữa bò tươi cụ thể: Hợp đồng kinh tế (hợp đồng không ghi số) ký ngày 10/12/2010; Hợp đồng kinh tế (hợp đồng không ghi số) ký ngày 21/6/2012; Hợp đồng kinh tế (hợp đồng không ghi số) ký ngày 01/01/2014.

Quá trình Công ty Cổ phần sữa I thực hiện việc mua sữa bò tươi của Đặng Văn H được thực hiện như sau: Từ ngày 01/4/2010 đến ngày 31/01/2012, Công ty mua sữa bò tươi của H sau đó Công ty tự vận chuyển về nhà máy sữa của Công ty nên H chỉ được Công ty trả tiền mua bán sữa bò tươi. Từ ngày 01/02/2012 đến ngày 15/11/2012 Công ty mua sữa bò tươi của H, sau đó H vận chuyển sữa về Công ty nên H được Công ty trả tiền mua bán sữa bò tươi và tiền phí vận chuyển. Từ ngày 16/12/2012 đến ngày 30/8/2014 Công ty mua sữa bò tươi của người dân chăn nuôi bò sữa qua trạm thu gom sữa của H nên H chỉ được Công ty trả tiền phí dịch vụ trạm thu gom sữa (phí bảo quản và làm lạnh) và phí vận chuyển sữa, còn tiền sữa thì Công ty trả cho người dân chăn nuôi bò sữa. Toàn bộ số tiền Công ty trả cho H bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển khoản qua Ngân hàng.

Từ ngày 01/4/2010 đến hết ngày 15/6/2010, tiền sữa bò Đặng Văn H bán cho Công ty Cổ phần sữa I được Công ty trả trực tiếp bằng tiền mặt là 689.756.950đ.

Từ ngày 16/6/2010 đến hết ngày 31/8/2014 số tiền Đặng Văn H bán sữa bò tươi, tiền phí dịch vụ trạm thu gom sữa và tiền phí vận chuyển sữa cho Công ty Cổ phần sữa I được Công ty trả qua tài khoản của Công ty số 26010000004779 tại Ngân hàng TMCP B chi nhánh Tây Hà Nội - Phòng giao dịch Lạc Long Quân và tài khoản số 2111.179.165 tại Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh X vào tài khoản cá nhân của Đặng Văn H số 2806205014742 tại Ngân hàng N - Chi nhánh V số tiền là 71.329.837.014đ. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên, Đặng Văn H không xuất bất kỳ hóa đơn bán hàng nào cho Công ty cổ phần sữa I.

Tổng sản lượng sữa bò tươi, số tiền sữa, số tiền phí dịch vụ, vận chuyển sữa Đặng Văn H được Công ty Cổ phần sữa I thanh toán trong quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên từ ngày 01/4/2010 đến ngày 30/8/2014 như sau:

Từ ngày 01/4/2010 đến ngày 31/12/2010 tổng sản lượng sữa là 378.319 kg; tổng số tiền thanh toán cho H trong việc mua trực tiếp sữa là 3.542.997.200đ.

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 tổng sản lượng sữa là 978.570 kg; tổng số tiền thanh toán cho H trong việc mua trực tiếp sữa là 11.844.205.445đ.

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/12/2012 tổng sản lượng sữa là 1.406.820 kg; tổng số tiền thanh toán là 18.281.420.732đ trong đó: Tiền phải trả cho người dân trực tiếp bán sữa cho Công ty là 1.176.353.100đ, tiền trực tiếp bán sữa là 16.677.994.832đ, tiền vận chuyển sữa là 366.500.400đ, tiền dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa là 60.572.400đ.

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 tổng sản lượng sữa là 1.313.422kg; tổng số tiền đã thanh toán là 17.635.815.616đ trong đó: Tiền phải trả cho người dân trực tiếp bán sữa cho Công ty là 16.295.930.358đ, tiền vận chuyển sữa là 390.136.800đ, tiền dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa là 949.748.458đ.

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/8/2014 tổng sản lượng sữa là 1.428.172 kg; tổng số tiền đã thanh toán là 20.715.155.038đ, trong đó: Tiền phải trả cho người dân trực tiếp bán sữa cho Công ty là: 19.089.379.308đ, tiền vận chuyển sữa là 423.170.100đ, tiền dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa là 1.202.605.630đ. Như vậy, trong quá trình thực hiện các hợp đồng đã ký với Công ty Cổ phần sữa I nêu trên thì Đặng Văn H có doanh thu các năm là:

Năm 2010 là 3.542.997.200đ tiền bán sữa; năm 2011 là 11.844.205.445đ tiền bán sữa; năm 2012 là 16.677.994.832đ tiền bán sữa, 366.500.400đ tiền phí vận chuyển và 60.572.400đ tiền phí dịch vụ bảo quản, làm lạnh sữa. Năm 2013 là 390.136.800đ tiền phí vận chuyển, 949.748.458đ tiền phí dịch vụ bảo quản,

làm lạnh sữa; năm 2014 là 423.170.100đ tiền phí vận chuyển; 1.202.605.630đ tiền phí dịch vụ bảo quản, làm lạnh sữa. Toàn bộ doanh thu trong quá trình thực hiện kinh doanh với Công ty Cổ phần sữa I nêu trên, Đặng Văn H không thực hiện việc kê khai quyết toán thuế tại Chi cục thuế huyện V theo quy định.

2. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa, hợp đồng người điều hành điểm thu mua sữa với Công ty TNHH Frieslandcampina G.

Ngày 04/7/2013 Công ty G và Đặng Văn H ký Hợp đồng cung cấp sữa tươi số 002/2013/FCH/RMSC-TP/DDP với mã số nhận diện là 2741. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 08/7/2013 đến ngày 11/11/2013, thể hiện Đặng Văn H trực tiếp bán sữa tươi cho Công ty G, việc bảo quản và làm lạnh sữa trước khi giao sữa cho Công ty do H tự thực hiện, sữa tươi bán cho Công ty được H vận chuyển và giao tại nhà máy sữa của Công ty. Tiền sữa được Công ty thanh toán cho Đặng Văn H bằng hình thức chuyển khoản.

Thực hiện hợp đồng này Đặng Văn H bán cho Công ty G 687.065kg sữa bò tươi và được Công ty thanh toán số tiền là 10.222.181.870đ.

Ngày 28/9/2013 Công ty G và Đặng Văn H ký Hợp đồng người điều hành điểm thu mua sữa tươi số 069/2013/FCH/SP/DDP với mã số điểm thu mua là 069. Nội dung hợp đồng: Học thay mặt cho Công ty G thu mua sữa từ những người dân mà Công ty ký hợp đồng mua sữa bò, H được nhận tiền phí thu mua sữa bò tươi và phí làm lạnh, phí vận chuyển từ Công ty, hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 28/10/2013 đến ngày 30/12/2013. Thực hiện theo Hợp đồng này, Đặng Văn H được Công ty G trả tiền phí thu mua sữa tươi và phí làm lạnh sữa tươi là 65.824.272đ; phí vận chuyển là 65.948.651đ. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên Đặng Văn H không xuất bất kỳ hóa đơn bán hàng nào cho Công ty G.

Như vậy từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/12/2013, Đặng Văn H thực hiện các hợp đồng bán sữa và hợp đồng là người điều hành điểm thu mua sữa tươi với Công ty G phát sinh doanh thu là 10.353.954.793đ, trong đó: Tiền trực tiếp bán sữa tươi là 9.638.176.620đ, tiền phí làm lạnh sữa là 375.003.522đ, tiền phí vận chuyển sữa là 340.774.651đ. Công ty G đã thanh toán cho Đặng Văn H bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản số 001225317001 của Công ty được mở tại Ngân hàng TNHH một thành viên L Việt Nam vào tài khoản cá nhân của Đặng Văn H số 2806205014742 mở tại Ngân hàng N - Chi nhánh V, tỉnh Vĩnh Phúc. Toàn bộ doanh thu từ thực hiện các hợp đồng với Công ty G nêu trên, Đặng Văn H không kê khai, quyết toán và nộp thuế tại Chi cục thuế huyện V theo quy định.

3. Việc ký, kết thực hợp đồng dịch vụ trung chuyển sữa tươi với Công ty cổ phần sữa K.

Giữa Công ty Cổ phần sữa K với Đặng Văn H đã ký thực hiện 03 hợp đồng dịch vụ trung chuyển sữa tươi nguyên liệu: Hợp đồng số 86/HĐTTC-CTS.PTVNL/2014 ngày 05/8/2014; hợp đồng số 78/HĐTTC-CTS.PTVNL/2015 ngày 01/01/2015; hợp đồng số 167/HĐTTC-CTS.PTVNL/2016 ngày 30/12/2015. Các hợp đồng đều có nội dung: Đặng Văn H là trạm trung chuyển sữa tươi, là nơi tiếp nhận sữa tươi từ các hộ chăn nuôi bò sữa mà Công ty ký hợp đồng mua sữa và thực hiện vận chuyển sữa đến nhà máy sữa S, địa chỉ: Khu công nghiệp S, xã S1, huyện Ê, tỉnh Bắc Ninh của Công ty; Công ty trả tiền mua sữa tươi cho các hộ dân qua tài khoản cá nhân của H, sau đó H có trách nhiệm thay mặt Công ty trả tiền cho những người dân trong vòng ba ngày kể từ ngày nhận được tiền; H sẽ được Công ty trả tiền phí dịch vụ trạm và tiền thu mua sữa của hộ nông dân qua tài khoản cá nhân của Đặng Văn H số 2806205014742 được mở tại Ngân hàng N - Chi nhánh V.

Thực hiện các hợp đồng nêu trên từ ngày 05/8/2014 đến hết ngày 31/12/2016, tổng số lượng sữa qua trạm trung chuyển của Đặng Văn H là 8.194.640kg và Đặng Văn H được Công ty Cổ phần sữa K - Nhà máy sữa S thanh toán tiền phí dịch vụ là 4.940.025.282đ. Đặng Văn H xuất 29 hoá đơn GTGT cho Nhà máy sữa S với tổng doanh thu nêu trên. Toàn bộ số tiền nêu trên, Công ty Cổ phần sữa K - Nhà máy sữa S chuyển qua Ngân hàng vào tài khoản cá nhân của Đặng Văn H số 2806205014742 mở tại Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đặng Văn H đã kê khai và nộp thuế đối với doanh thu nêu trên tại Chi cục thuế huyện V.

#### 4. Việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Đặng Văn H:

Trong quá trình kinh doanh thực hiện các hợp đồng với Công ty Cổ phần sữa I và Công ty G từ năm 2010 đến năm 2014, Đặng Văn H đã phát sinh doanh thu là:

Năm 2010 là 3.542.997.200 đồng tiền bán sữa; năm 2011 là 11.844.205.445đ tiền bán sữa. Năm 2012 là 16.677.994.832đ tiền bán sữa, 366.500.400đ tiền phí vận chuyển, 60.572.400đ tiền phí dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa. Năm 2013 là 730.911.451đ tiền phí vận chuyển; 1.324.751.980đ tiền phí dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa. Năm 2014 là 423.170.100đ tiền phí vận chuyển, 1.202.605.630đ tiền phí dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa.

Toàn bộ doanh thu phát sinh trong quá trình kinh doanh thực hiện hợp đồng với Công ty Cổ phần sữa I và Công ty G từ năm 2010 đến năm 2014, Đặng Văn H không kê khai và nộp thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) tại Chi cục thuế huyện V theo quy định.

Từ ngày 05/8/2014 đến nay, khi Đặng Văn H thực hiện hợp đồng dịch vụ trung chuyển sữa tươi nguyên liệu với Công ty Cổ phần sữa K - Nhà máy sữa S đã kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế huyện V cụ thể: Nộp thuế theo hình thức

thuế khoán, tổng tiền thuế GTGT Đặng Văn H phải nộp là 3.866.667đ, thuế TNCN phải nộp là 1.933.333đ. Nộp thuế trên hóa đơn, tổng tiền thuế GTGT Đặng Văn H phải nộp là 142.082.383đ, thuế TNCN phải nộp là 71.041.191đ. Tính đến hết năm 2016 Đặng Văn H nộp đủ số thuế khoán, còn thuế trên hóa đơn Đặng Văn H nộp 125.114.361đ tiền thuế GTGT, còn thiếu 16.968.022đ và đã nộp 65.463.682đ tiền thuế TNCN còn thiếu là 5.577.509đ.

Ngày 08/8/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 211 gửi Tổng cục thuế - Bộ Tài chính yêu cầu giám định:

“ Từ ngày 01/4/2010 đến ngày 15/7/2012 việc ông Đặng Văn H ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa với Công ty Cổ phần sữa I, tổng doanh số từ việc trực tiếp bán sữa là 25.514.435.367đ, phí vận chuyển là 184.141.800đ theo quy định của pháp luật thì phải kê khai, nộp và quyết toán những loại thuế nào? Cụ thể số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Từ ngày 16/7/2012 đến ngày 30/8/2014 việc ông Đặng Văn H ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa với Công ty Cổ phần sữa I, tổng doanh số từ việc trực tiếp bán sữa là: 6.550.762.110đ; phí vận chuyển là: 995.665.500đ; phí dịch vụ bảo quản và làm lạnh là: 2.212.926.488đ theo quy định của pháp luật thì phải kê khai, nộp và quyết toán những loại thuế nào? Cụ thể số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Việc ông Đặng Văn H ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa, hợp đồng điều hành điểm thu mua sữa với Công ty G, tổng doanh số từ việc trực tiếp bán sữa là 10.222.181.870đ, phí thu mua và làm lạnh là 65.824.272đ, phí vận chuyển là 65.948.651đ theo quy định của pháp luật thì phải kê khai, nộp và quyết toán những loại thuế nào? Cụ thể số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Việc ông Đặng Văn H ký kết thực hiện hợp đồng dịch vụ trạm trung chuyển sữa tươi với Công ty cổ phần sữa K, tổng doanh số 4.940.025.282đ), đã kê khai thuế và nộp các khoản thuế nêu trên đã đúng và đầy đủ chưa. Nếu chưa đúng thì cụ thể các loại thuế và số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Hành vi của hộ kinh doanh Đặng Văn H không thực hiện kê khai, quyết toán thuế trong quá trình kinh doanh nêu trên có phải là hành vi trốn thuế không? Nếu là hành vi trốn thuế thì trốn những loại thuế nào? Tổng số tiền thuế trốn của từng loại thuế là bao nhiêu? Tổng số tiền thuế phải truy thu là bao nhiêu?”.

Ngày 06/12/2017 Tổng cục thuế - Bộ Tài chính có kết luận giám định về việc chấp hành nghĩa vụ thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh Đặng Văn H kết luận:

"Hộ, cá nhân kinh doanh Đặng Văn H có kinh doanh, có thu nhập từ tháng 4/2010 nhưng không thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế, không thực hiện kê khai thuế; đến thời điểm tháng 8/2012 đã đăng ký thuế nhưng cũng không thực hiện khai thuế theo quy định của pháp luật; từ tháng 4/2010 đến tháng 8/2014 có kinh doanh nhưng không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ;

Các hành vi trên đây được coi là hành vi trốn thuế, gian lận thuế được quy định tại khoản 1; khoản 3 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11. Cụ thể:

Đối với thuế GTGT: Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2010 là 10.628.992đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2011 là 35.523.616đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2012 là 58.272.579đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2013 là 55.021.846đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2014 là 36.747.216đ.

Tổng số thuế GTGT trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước từ ngày 01/4/2010 đến ngày 30/8/2014 là  $(10.628.992đ + 35.532.616đ + 58.272.579đ + 55.021.846đ + 36.747.216đ) = 196.203.249đ$ .

Số thuế GTGT đã kê khai và nộp thừa năm 2014 là 9.482.506đ.

Số thuế GTGT đã kê khai và nộp thừa năm 2015 là 16.356.477đ.

Số thuế GTGT đã kê khai và nộp thừa năm 2016 là 17.442.896đ.

Tổng số thuế GTGT đã kê khai, nộp thừa từ tháng 8/2014, năm 2015 và năm 2016 là  $(9.482.506đ + 16.356.447đ + 17.442.896đ) = 43.281.849đ$ .

Đối với thuế thu nhập cá nhân: Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2010 là 2.914.496đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2011 là 41.665.233đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2012 là 87.033.246đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2013 là 93.041.796đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2014 là 100.959.337đ.

Tổng số thuế TNCN trốn, gian lận do không kê khai nộp Ngân sách Nhà nước từ năm 2010 đến hết năm 2014 là  $(2.914.496đ + 41.665.233đ + 87.033.246đ + 93.041.796đ + 100.959.337đ) = 325.614.1087đ$ .

Số thuế đã kê khai và nộp thừa năm 2015 là 8.178.238đ.

Số thuế đã kê khai và nộp thừa năm 2016 là 8.721.437đ.

Tổng số thuế TNCN đã kê khai, nộp thừa năm 2015, năm 2016 là  $8.178.238đ + 8.721.437đ = 16.899.675đ$ .

Tổng số tiền thuế chưa kê khai do hành vi trốn, gian lận và số thuế nộp thừa:

Tổng số tiền thuế GTGT và TNCN trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách nhà nước là 521.817.357đ. Tổng số tiền thuế GTGT và thuế TNCN đã kê khai nộp thừa là 60.181.524đ”.

Quá trình điều tra xác định số tiền Đặng Văn H được nhận từ việc trực tiếp bán sữa cho Công ty G là 10.222.181.870đ. Số tiền này không phải là tiền trực tiếp bán sữa mà gồm ba khoản: Tiền trực tiếp bán sữa tươi là 9.638.176.620đ, tiền phí làm lạnh sữa là 309.179.250đ, tiền phí vận chuyển sữa là 274.826.000đ. Mặt khác, biểu tỷ lệ tính thuế của doanh thu từ việc trực tiếp bán sữa với doanh thu từ phí làm lạnh và phí vận chuyển có sự khác nhau nên tại quyết định trưng cầu số 211 ngày 08/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V và kết luận giám định theo quyết định trưng cầu giám định đối với doanh thu của Đặng Văn H từ việc trực tiếp bán sữa là 10.222.181.870đ là không chính xác.

Do vậy, ngày 12/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số 01 gửi Tổng cục thuế - Bộ Tài chính yêu cầu giám định:

“Từ ngày 01/4/2010 đến ngày 30/8/2014 việc ông Đặng Văn H ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa với Công ty Cổ phần sữa quốc tế, tổng doanh số từ việc trực tiếp bán sữa là 32.065.197.477đ; phí vận chuyển là 1.179.807.300đ; phí dịch vụ bảo quản và làm lạnh là 2.212.926.488đ theo quy định của pháp luật thì phải kê khai, nộp và quyết toán những loại thuế nào? Cụ thể số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Việc ông Đặng Văn H ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán sữa, hợp đồng điều hành điểm thu mua sữa với Công ty G, tổng doanh số từ việc trực tiếp bán sữa là 9.638.176.620đ, phí thu mua và làm lạnh là 375.003.522đ, phí vận chuyển là 340.774.651đ theo quy định của pháp luật thì phải kê khai, nộp và quyết toán những loại thuế nào? Cụ thể số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Việc ông Đặng Văn H ký kết thực hiện hợp đồng dịch vụ trạm trung chuyển sữa tươi với Công ty cổ phần sữa Việt Nam, tổng doanh số 4.940.025.282đ, đã kê khai thuế và nộp các khoản thuế nêu trên đã đúng và đầy đủ chưa. Nếu chưa đúng thì cụ thể các loại thuế và số thuế phải nộp là bao nhiêu? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Hành vi của hộ kinh doanh Đặng Văn H không thực hiện kê khai, quyết toán thuế trong quá trình kinh doanh nêu trên có phải là hành vi trốn thuế không? Nếu là hành vi trốn thuế thì trốn những loại thuế nào? Tổng số tiền thuế trốn của từng loại thuế là bao nhiêu? Tổng số tiền thuế phải truy thu là bao nhiêu?”.

Ngày 19/4/2018 Tổng cục thuế - Bộ Tài chính có kết luận giám định về việc chấp hành nghĩa vụ thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh Đặng Văn H theo Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số 01 ngày 12/3/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V kết luận:

“Hộ, cá nhân kinh doanh Đặng Văn H có kinh doanh, có thu nhập từ tháng 4/2010 nhưng không thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế, không thực hiện kê khai thuế; đến thời điểm tháng 8/2012 đã đăng ký thuế nhưng cũng không thực hiện khai thuế theo quy định của pháp luật; từ tháng 4/2010 đến tháng 8/2014 có kinh doanh nhưng không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ;

Các hành vi trên đây được coi là hành vi trốn thuế, gian lận thuế được quy định tại khoản 1; khoản 3 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11. Cụ thể:

Đối với thuế giá trị gia tăng:

Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2010 là 10.628.992đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2011 là 35.523.616đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2012 là 58.272.579đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2013 là 63.404.039đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2014 là 36.747.216đ.

Tổng số thuế GTGT trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước từ ngày 01/4/2010 đến ngày 30/8/2014 là  $(10.628.992đ + 35.532.616đ + 58.272.579đ + 63.404.039đ + 36.747.216đ) = 204.585.442đ$ .

Số thuế GTGT đã kê khai và nộp thừa năm 2014 là 9.482.506đ.

Số thuế GTGT đã kê khai và nộp thừa năm 2015 là 16.356.477đ.

Số thuế GTGT đã kê khai và nộp thừa năm 2016 là 17.442.896đ.

Tổng số thuế GTGT đã kê khai, nộp thừa từ tháng 8/2014, năm 2015 và năm 2016 là  $(9.482.506đ + 16.356.447đ + 17.442.896đ) = 43.281.849đ$ .

Đối với thuế thu nhập cá nhân:

Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2010 là 2.914.496đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2011 là 41.665.233đ. Số thuế

trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2012 là 87.033.246đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2013 là 114.856.116đ. Số thuế trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước năm 2014 là 100.959.337đ.

Tổng số thuế TNCN trốn, gian lận do không kê khai nộp Ngân sách Nhà nước từ năm 2010 đến hết năm 2014 là  $(2.914.496đ + 41.665.233đ + 87.033.246đ + 114.856.116đ + 100.959.337đ) = 347.428.428đ$ .

Số thuế đã kê khai và nộp thừa năm 2015 là 8.178.238đ.

Số thuế đã kê khai và nộp thừa năm 2016 là 8.721.437đ.

Tổng số thuế TNCN đã kê khai, nộp thừa năm 2015, năm 2016 là  $8.178.238đ + 8.721.437đ = 16.899.675đ$ .

Tổng số tiền thuế chưa kê khai do hành vi trốn, gian lận và số thuế nộp thừa:

Tổng số tiền thuế GTGT và TNCN trốn, gian lận do không kê khai, không thực hiện nộp Ngân sách nhà nước là: 552.013.870đ. Tổng số tiền thuế GTGT và thuế TNCN đã kê khai nộp thừa là 60.181.524đ”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2018/HSST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội “Trốn thuế”

Căn cứ vào khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, i, s, v khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. “Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo”.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 552.013.870đ của Đặng Văn H. Xác nhận khoản tiền này bị cáo Đặng Văn H đã nộp đủ tại cơ quan điều tra Công an huyện V và tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện V Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 440/QĐ-VKSVT đề nghị hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện V lý do: Vi phạm trong việc không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng và vi phạm trong việc xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đặng Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng; các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ mục đích tư lợi, trong thời gian từ ngày 01/4/2010 đến ngày 30/8/2014 Đặng Văn H đã ký kết, thực hiện các hợp đồng bán sữa, người điều hành điểm thu mua sữa, trạm trung chuyển sữa tươi nguyên liệu với Công ty cổ phần sữa I và Công ty G. Quá trình thực hiện các hợp đồng đã ký kết trên Đặng Văn H đã nhận được doanh thu từ tiền trực tiếp bán sữa là 41.703.374.097đ; tiền phí vận chuyển là 1.520.581.951đ; tiền phí dịch vụ bảo quản và làm lạnh sữa là 2.587.930.010đ. Đặng Văn H là chủ hộ kinh doanh cá thể hoạt động trong lĩnh vực mua bán sữa bò tươi, lợi dụng sơ hở trong việc thực hiện luật thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân nên toàn bộ doanh thu được nhận bị cáo không thực hiện kê khai, quyết toán thuế và nộp thuế GTGT, thuế TNCN cho Nhà nước nhằm trốn số thuế phải nộp là 552.013.870đ (trong đó thuế GTGT là 204.585.442đ, thuế TNCN là 347.428.428đ). Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở

sơ thẩm bị cáo Đặng Văn H đã tự nguyện nộp số tiền 552.013.879đ để khắc phục hậu quả.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Đặng Văn H tại phiên tòa và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Văn H về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng khi xét xử bị cáo Đặng Văn H về tội “Trốn thuế”; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo Đặng Văn H là chủ hộ kinh doanh thuộc đối tượng kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế huyện V. Trong quá trình kinh doanh mua, bán sữa tươi từ ngày 01/4/2010 đến ngày 30/8/2014, bị cáo Đặng Văn H đã không kê khai, quyết toán các loại thuế (gồm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân) đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật tại Chi cục thuế huyện V với số tiền theo kết luận giám định là 552.013.870đ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thất thu ngân sách trên địa bàn. Theo quy định của pháp luật, Chi cục thuế huyện V là cơ quan có chức năng quản lý, theo dõi việc kê khai, nộp thuế của các tập thể và cá nhân có đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện V. Khi xét xử bị cáo Đặng Văn H về hành vi “Trốn thuế”, Tòa án nhân dân huyện V không đưa Chi cục thuế huyện V tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự theo quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V là xử lý vật chứng đối với số tiền 552.013.870đ do bị cáo Đặng Văn H nộp khắc phục hậu quả tại Cơ quan Công an và Thi hành án huyện V thấy rằng: Số tiền 552.013.870đ do bị cáo Đặng Văn H tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả là số tiền trốn thuế, theo quy định pháp luật thì số tiền này phải chuyển đến Chi cục thuế huyện V để tiến hành hạch toán vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 552.013.087đ là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng công tác quản lý tài chính trên địa bàn huyện V.

Do vậy 02 nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V là không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng và xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm như đã nêu trên thấy không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, kéo dài quá trình tố tụng không cần thiết. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa Bản án hình sự sơ thẩm bổ sung người tham gia tố tụng và giao số tiền 552.013.870đ cho Chi cục thuế

huyện V thực hiện việc hạch toán, quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu cấp sơ thẩm nghiêm khắc rút kinh nghiệm tránh sai sót tương tự.

[4] Về việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi của bị cáo Đặng Văn H xảy ra trước ngày 01/01/2018 là ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, khi cho bị cáo Đặng Văn H hưởng án treo Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định: “Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo” gây bất lợi cho bị cáo Đặng Văn H. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần áp dụng pháp luật của Bản án sơ thẩm cho phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đặng Văn H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2018/HS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện V.

Áp dụng khoản 2 Điều 161; điểm b, h, p, s khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội “Trốn thuế”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H 01 (một) năm tù về tội “Trốn thuế” cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 106 Bộ luật Tố Tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đặng Văn H phải nộp lại số tiền 552.013.870đ trốn thuế để hoàn trả ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Đặng Văn H đã nộp đủ số tiền trốn thuế tại cơ quan điều tra Công an huyện V và tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Giao số tiền 552.013.870đ bị cáo Đặng Văn H đã nộp để khắc phục hậu quả do hành vi trốn thuế cho Chi cục thuế huyện V thực hiện việc hạch toán quyết toán thuế theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Đặng Văn H không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C, huyện V;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Sơn**